

## NGƯỜI CÔNG GIÁO NINH BÌNH VỚI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

### I

Trong hành trình từ Cửa Bạng (Ba Làng - Thanh Hoá) ra Thăng Long, ngày 03-04-1627 giáo sĩ dòng Tên Alexandre de Rhodes tên Việt là Đắc Lộ dừng chân ở Cửa biển Thần Phù gần mỏn núi Yên Duyên (nay là một họ đạo thuộc xứ Bạch Liên, Yên Thành, Yên Mô, Ninh Bình) giảng đạo Công giáo. Ban đầu có hàng chục người gia nhập đạo. Rồi từ Thăng Long trên đường ra biển Alexandre de Rhodes dừng lại giảng đạo ở Kê Bì (trại Bò nay thuộc xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh) dựng một ngôi nhà thờ nhỏ. Ấy là vào năm 1630. Hai trăm năm sau, năm 1830 xuất hiện một nhà thờ mới ở Đông Biên (nay là xứ Nam Biên (Khánh Mậu, Yên Khánh). Cùng năm còn có một ngôi nhà thờ mới ở Phúc Nhạc (Khánh Nhạc, Yên Khánh). Từ đây đạo Công giáo dần dần phát triển lên phía Bắc tỉnh Ninh Bình.

“Ngày 27-3-1846, Đức Gregorius XVI kí sắc lệnh phân chia giáo phận Tây Đàng Ngoài thành hai giáo phận, một vẫn giữ tên cũ giáo phận Tây và giáo phận mới tên Nam. Vùng đất Phát Diệm (có 4 xứ với số giáo hữu: Phúc Nhạc 10.600, Yên Vân 1598, Bạch Bát 3.482 và Đồng Chư 4.000) thuộc giáo phận Tây do Đức Cha P.A.Rtord Liou coi sóc... Năm 1895, Toà Thánh chia giáo phận Tây thành hai giáo phận, một vẫn giữ tên cũ giáo phận Tây, giáo phận

mới lấy tên gọi Đoài (sau này là Hưng Hoá). Phần đất giáo phận Phát Diệm thuộc giáo phận Tây do Đức cha P.M.Gendreau Đông coi sóc.

Ngày 19-4-1901, Đức Lêô XIII, ban chiếu thư chia giáo phận Tây thành hai: giáo phận Tây sau này là Hà Nội, giáo phận mới lấy tên gọi giáo phận Thanh gồm tỉnh Ninh Bình, Thanh Hoá và Châu Lào do Đức cha Alexandre J.P.Marcou Thành coi sóc. Khi mới thành lập, giáo phận gồm: 48 linh mục Việt, 21 thừa sai Pháp, 112 thầy giảng, 18 đại chủng sinh, 145 tiểu chủng sinh và 85.000 giáo dân.

Ngày 3-12-1924, các giáo phận được đổi tên theo địa chỉ hành chính, nơi đặt toà giám mục, nên giáo phận Thanh đổi thành giáo phận Tông toà Phát Diệm.

Năm 1932, xét thỉnh nguyện của Đức cha Marcou Thành, Toà Thánh lấy một phần đất Phát Diệm để thành lập giáo phận mới lấy tên giáo phận Thanh Hoá.

Ngày 11-6-1933 Đức Piô XI đặt Đức cha G.B. Nguyễn Bá Tông là giám mục người Việt Nam đầu tiên coi sóc giáo phận Tông toà Phát Diệm, khởi điểm cho Hàng Giáo phẩm Việt Nam<sup>(1)</sup>.

\*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam: *Giáo hội Công giáo Việt Nam. Niêm giám 2004*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 578-579.

Đến năm 1938, giáo phận Phát Diệm có 110.744 giáo dân, 6 giáo hạt, 32 giáo xứ, 338 giáo họ, 1 giám mục, 110 linh mục Việt Nam, 1 linh mục người Bỉ, 4 tu sĩ dòng Lasan (trong đó có 1 tu sĩ người Châu Âu), 14 tu sĩ dòng Châu Sơn (đan viện Châu Sơn) dưới quyền của bề trên Tadeô Lê Hữu Từ), trong đó có 3 tu sĩ linh mục, 5 nữ tu dòng Carmel (người Châu Âu), 13 nữ tu dòng Đức Bà truyền giáo (trong đó có 6 nữ tu người Châu Âu), 114 nữ tu dòng Mến Thánh giá và 176 thầy giảng<sup>(2)</sup>.

Trong khoảng thời gian từ 1943 đến 1945, giáo phận Phát Diệm có sự biến động về người đứng đầu. Ngày 27-12-1943 giám mục Nguyễn Bá Tòng tuổi cao sức yếu giao lại quyền coi sóc giáo phận cho Giám mục Gioan Phan Đình Phùng về nghỉ hưu. Giao Phan Đình Phùng nhận chức giám mục được 5 tháng thì qua đời, ngày 28-5-1944. Giám mục Nguyễn Bá Tòng do đó trở lại làm giám quản Tông toà.

Ngày 1-10-1945, Tadeô Lê Hữu Từ, tu viện trưởng, tu viện Châu Sơn về nhận chức giám mục giáo phận Phát Diệm.

Năm 1932 khi tách ra thành lập giáo phận Thanh Hoá, giáo phận Phát Diệm bao gồm tỉnh Ninh Bình và 1 giáo xứ thuộc tỉnh Hoà Bình, đó là giáo xứ Khoan Dụ. Như vậy viết về Công giáo Giáo phận Phát Diệm cũng có nghĩa là viết về Công giáo ở tỉnh Ninh Bình.

Trong thời kì Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam có hai nhân vật thuộc hàng giáo phẩm Công giáo của giáo phận Phát Diệm có tác động rất lớn đến Công giáo ở Ninh Bình.

Nhân vật thứ nhất là linh mục Trần Lục. Từ năm 1875-1899, linh mục Trần Lục và giáo dân xây dựng 10 công trình đồ sộ tại khu vực nhà thờ chính toà Phát Diệm. Đây là công trình kiến trúc Á Đông độc đáo nhất của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Đánh giá về Linh mục Trần Lục, cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, Tập I viết: “Năm 1865, Trần Lục - tục danh Cụ Sán về cai quản Phát Diệm. Linh mục Trần Lục là người có “công lớn” với “nước Đại Pháp” và triều đình phong kiến trong chinh phục và đô hộ nước ta.

Trần Lục cũng đã góp phần giúp Thực dân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa của Văn Thân. Sự kiện tháng 12 năm 1886, Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Đình do Đinh Công Tráng chỉ huy, một sĩ quan Pháp là Foppre đã đến Phát Diệm cầu cứu, Trần Lục đón rước rất long trọng, và cấp cho 5.000 dân công, bốn thuyền mành (thuyền lớn), v.v...

Qua ba mươi năm làm chính xứ ở Phát Diệm, với một quyền thế lớn lao, Linh mục Trần Lục đã ra sức mở mang các xứ, họ đạo, củng cố hệ thống tổ chức giáo hội, và đặc biệt ông đã tiến hành xây dựng các cơ sở vật chất cho tôn giáo trong đó nổi tiếng nhất là khu nhà thờ xứ Phát Diệm<sup>(3)</sup>.

Nhân vật thứ hai là Giám mục Lê Hữu Từ: Trong 9 năm cai quản giáo phận Phát Diệm, Lê Hữu Từ cùng với một số vị linh mục dưới quyền mà tiêu biểu là Linh mục

2. *Công giáo Việt Nam sau quá trình 50 năm*. (1945-1955). Công giáo và Dân tộc, 1996.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Sơn: *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, Tập 1, Kim Sơn 1991, tr. 25.

Mai Học Lý, linh mục Hoàng Quỳnh lập ra các tổ chức chính trị và lực lượng vũ trang phản động hoạt động chống phá cách mạng. Lê Hữu Từ ra 90 thư luân lưu phần lớn có nội dung chống phá cách mạng.

Ngay từ những ngày đầu khi mà nhân dân Ninh Bình hưởng ứng lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì ở giáo xứ Văn Hải (Kim Sơn) bọn phản động lợi dụng Công giáo đã giết hại 4 cán bộ cách mạng và đánh bị thương 8 cán bộ khác. Đó còn là vụ côn đồ ở giáo xứ Phúc Nhạc (Yên Khánh), năm 1947, trong vòng mấy tháng trời, bọn phản động lợi dụng Công giáo gây ra 32 vụ bắn giết cán bộ, công an, bộ đội với những hình thức dã man nhất như chặt đầu, chôn sống, v.v... Hành động dã man của bọn chúng khiến cho lúc bấy giờ nhiều người dân không dám đi qua vùng Phúc Nhạc. Thời kì này có câu thơ:

*Muốn theo anh về Kim Sơn*

*Sợ qua Phúc Nhạc du côn chặt đầu.*

## II

Mảng tối của Công giáo ở Ninh Bình trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã có nhiều công trình nghiên cứu chỉ ra. Những sự kiện mà chúng tôi nêu ở trên chỉ là một vài nét minh họa. Song, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn một mảng sáng của Công giáo ở Ninh Bình đó là những đóng góp của hàng giáo sĩ và giáo dân cho cách mạng, góp phần vào công cuộc giành thắng lợi đánh đuổi thực dân Pháp.

Hoà chung vào công cuộc Cách mạng tháng Tám của dân tộc cũng như của tỉnh, người Công giáo Ninh Bình đã có những đóng góp vào việc giành chính quyền về tay

nhân dân. Cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I cho biết “Hằng ngày, ngay tại nhà Nguyễn Đình Minh một số thanh niên Công giáo đã sôi nổi hoạt động, học hát Tiến quân ca và những bài ca cách mạng khác. Chị Thanh Am là nữ thanh niên Công giáo cũng tham gia tổ Nữ thanh, mang cờ, kẻ khẩu hiệu, v.v... Những thanh niên này phần lớn ở trong đoàn Hướng đạo, cũng có một số tự vệ người Công giáo đã được ta huấn luyện ở chiến khu Quỳnh Lưu tham gia”<sup>(4)</sup>.

Ngày 19-8-1945 cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thành công ở Hà Nội, mau chóng dội về Ninh Bình, đặc biệt là vùng Kim Sơn tạo nên một niềm tin chiến thắng cho nhân dân trong đó có người dân Công giáo: “Ở Kim Sơn, chiều ngày 20-8-1945, trước không khí nhân dân các huyện lân cận sôi sục cướp chính quyền, anh Đàm là thanh niên Công giáo tiến bộ quê ở Qui Hậu cùng một số thanh niên vào thẳng huyện đường Kim Sơn ở Qui Hậu gặp tri huyện Phạm Gia Hệ... yêu cầu tri huyện nộp con dấu và súng lục, lính huyện phải nộp súng, súng đạn phải bỏ vào kho khoá lại và giao chìa khoá cho Việt Minh. Tri huyện Phạm Gia Hệ nhận hết mọi điều kiện”<sup>(5)</sup>. Anh Đàm, người thanh niên Công giáo nêu trên trước đó chưa một lần bước chân vào huyện đường, với khí thế của cách mạng, anh đặt thẳng vấn đề với tri huyện rằng Việt Minh đã tổng khởi nghĩa giành chính quyền, yêu

4. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I, Sđd, tr. 37.

5. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I, Sđd, tr. 38-39.

cầu tri huyện phải thực hiện theo yêu cầu của cách mạng. Như vậy trước khi có sự chỉ đạo của linh mục Hoàng Quỳnh cho nhóm Nguyễn Đình Minh, Lê Xuân Nguyên, Trần Ngân cướp chính quyền thì tri phủ Phạm Gia Hệ đã chấp nhận đầu hàng, chính quyền địch đã tan rã. “Sáng ngày 21-8-1945, có trên 2.000 người, hầu hết là thanh niên, đa số là thanh niên theo đạo Thiên Chúa (gọi là Việt Minh giáo) được huy động tập trung ở thị trấn Phát Diệm (Kim Sơn - Ninh Bình), ngoài ra một số thanh niên nghe tin cũng đến biểu tình. Đoàn biểu tình rực rỡ cờ đỏ sao vàng và băng khẩu hiệu, vừa đi vừa hô vang “Việt Minh độc lập muôn năm!”, “Ủng hộ Mặt trận Việt Minh!”<sup>(6)</sup>.

Ngày 21-8-1945 chính quyền địch ở Kim Sơn hoàn toàn tan rã. Hôm sau ngày 22-8-1945 hàng vạn người dân Lương - Giáo của huyện tham dự mít tinh ở sân bay Ngô Gia Lễ chào mừng thắng lợi và sự ra mắt của ủy ban lâm thời do nhóm Minh, Nguyên, Ngân lãnh đạo. Do tình hình đặc điểm lúc bấy giờ ở huyện Kim Sơn, những người cầm đầu phát động cướp chính quyền địch không phải là người của cách mạng, nhưng tham gia cướp chính quyền địch là đông đảo quần chúng Lương - Giáo, trong đó có vai trò của những người Công giáo tiến bộ. Đây là một trong những đặc thù của huyện Kim Sơn lúc bấy giờ.

Bước vào cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược, có thể nói địa bàn huyện Kim Sơn trở thành một trong những địa bàn nóng bỏng nhất ở đồng bằng Bắc Bộ về chính trị, quân sự. Nhiều đảng phái chính trị phản động như Việt Nam Quốc dân đảng (Việt quốc), Việt Nam Cách

mạng đảng (Việt cách), Đại Việt quốc gia liên minh, đảng Xã hội Công giáo, Dân tộc Giải phóng, đảng Mặt trận dân chúng liên hiệp do Diệm - Nhu tổ chức cuối năm 1945 đua nhau kéo về Kim Sơn hoạt động. Sau ngày toàn quốc kháng chiến hơn ba vạn người từ các tỉnh, thành phố tản cư về Kim Sơn. Đặc biệt là việc Lê Hữu Từ, linh mục dòng Châu Sơn (Nho Quan) về nhận chức giám mục Phát Diệm ngày 1-10-1945 (lễ thụ phong ngày 29-10-1945) với những hành động chống phá cách mạng quyết liệt và thâm độc.

Trong tình hình như vậy, “từ cuối năm 1946, để tăng cường cho phong trào, Tỉnh ủy Ninh Bình đã cử một số cán bộ về Kim Sơn gây dựng phong trào. Buổi đầu ta đã xây dựng được một số cơ sở cách mạng và những nhân tố tích cực, gia đình cụ Phạm Bá Khoát, người Công giáo (Phát Diệm), anh Mão, thanh niên Công giáo ở Kim Tân. Tiêu biểu nhất và có nhiều công lao lớn là gia đình cụ Hai Hạnh người Công giáo ở phố Thượng Kiệm (quê ở Xuân Thiện). Gia đình cụ Hai Hạnh là cơ sở cách mạng có đóng góp lớn đối với phong trào cách mạng ở Kim Sơn ngay từ ngày đầu. Ông có 3 người con đã sớm tham gia cách mạng, là những cán bộ trung kiên”<sup>(7)</sup>.

Một phụ nữ Công giáo tiêu biểu đáng được nhắc đến đó là chị Thanh Am. Chị là người sớm giác ngộ cách mạng. Chị là thư kí của phong trào tuần lễ vàng ở Kim Sơn. Tháng 1-1947 chị được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đây là lớp đảng viên đầu tiên ở huyện Kim Sơn.

6. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I, Sđd, tr. 39.

7. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I, Sđd, tr. 53.

Đóng góp vào phong trào cách mạng ở Ninh Bình nói chung và Kim Sơn nói riêng có vai trò quan trọng của Linh mục Phêrô Phạm Bá Trục (1898-1954). Linh mục quê ở làng Bạch Liên, xã Yên Thành, huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình. Linh mục là đại biểu Quốc hội khoá đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà (1946), tháng 11-1946 được Quốc hội bầu làm ủy viên chính thức của Ban Thường trực, tháng 5-1947 được bầu là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội. Trong những thời điểm gay go phức tạp của phong trào cách mạng ở Ninh Bình, theo phân công của Chính phủ, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Linh mục đã xuất hiện, giải quyết tốt một số vụ việc, nhất là những vụ việc liên quan đến thực hiện chính sách đoàn kết lương-giáo.

Đầu năm 1947, bọn phản động lợi dụng tôn giáo ở Kim Sơn hoạt động công khai, trắng trợn chống lại cách mạng. Tiếp theo các phái đoàn của Chính phủ như phái đoàn của đồng chí Vũ Trọng Tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động, phái đoàn của ông Vũ Đình Huỳnh thư kí riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Kim Sơn giải quyết tình hình, ngày 7-2-1947 Linh mục Phạm Bá Trục với cương vị Ủy viên Ban Thường trực Quốc hội được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử về Kim Sơn giải quyết công việc và đem theo thư của Người gửi Giám mục Lê Hữu Từ.

Sau đó 7 tháng, ngày 24-9-1947, Linh mục Phạm Bá Trục với tư cách là Đặc phái viên của Chính phủ về Kim Sơn tổ chức một cuộc họp gồm đại diện Ủy ban kháng chiến Kim Sơn, Toà án, đồn công an, cảnh vệ, đại diện Công giáo, Phật giáo bàn bạc đi đến thống nhất quyết nghị:

Công an và Bộ đội có quyền kiểm soát các đường xá, khu phố theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn.

Tự vệ các xã không được bắt bớ, giam giữ đánh đập bất cứ người nào. Nếu tình nghi chỉ có quyền giữ lại và giao cho cơ quan có thẩm quyền. Mỗi khi Công an, Bộ đội đến đâu, cấm “tự vệ Công giáo” không được báo động.

Giám mục Lê Hữu Từ có thể được tổ chức một đội tự vệ không quá 50 người để canh gác bảo vệ Toà giám mục.

Sau đó cuộc họp nhất trí thành lập một ban liên lạc hoà giải gồm đại diện Công an, Toà án, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Kim Sơn, đại diện Công giáo, Phật giáo do ông Ngô Tử Hạ, Hội trưởng Liên Việt làm trưởng ban<sup>(8)</sup>.

Ngoài ra Linh mục Phạm Bá Trục với tư cách là một chủ chăn một đại biểu Quốc hội còn viết thư kêu gọi con chiên và là công dân vì Chúa vì chính nghĩa tham gia kháng chiến. Có thể kể những bức thư như:

- Lời kêu gọi nguy binh Công giáo, ngày 1-6-1951;

- Thư gửi đồng bào Công giáo sau khi đi thăm Trung Quốc và Triều Tiên, ngày 15-1-1952.

Linh mục Phạm Bá Trục còn cùng với Linh mục Vũ Xuân Kỳ viết một số thư như:

- Đồng bào Công giáo chúng ta vô cùng phấn khởi và hết sức biết ơn Hồ Chí Minh, Chính phủ đã ban hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, chính sách cải cách ruộng đất, ngày 25-12-1953.

---

8. Công an Ninh Bình: *Tổng kết lịch sử công tác đấu tranh chống phản động lợi dụng Công giáo ở Ninh Bình từ 1945 đến 1995*. Ninh Bình, 1998, tr. 25.

- Lời kêu gọi đồng bào Công giáo của Linh mục Phạm Bá Trực và Linh mục Vũ Xuân Kỳ nhân dịp đình chiến ở Đông Dương, ngày 28-7-1954.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Ninh Bình còn thu hút một số linh mục tham gia và có những đóng góp cho cách mạng. Đó là các linh mục Nguyễn Thế Vĩnh, Hoàng Quang Tự, Nguyễn Duy Trinh, Vũ Bá Nghiễm.

Phản ứng lại Thư chung chống cộng tháng 11-1951 của các Giám mục Đông Dương, Linh mục Nguyễn Thế Vĩnh tỏ thái độ kiên quyết “Sau khi cùng nhau nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu của hàng giáo phẩm, chúng tôi đã tuyên bố rằng, hàng giáo phẩm đã tỏ rõ một lập trường chính trị hơn là tôn giáo, rằng lập trường đó đi ngược lại điều răn của Chúa dạy phải yêu mến Tổ quốc... Để đáp ứng bản tuyên bố của các giám mục, theo cách của chúng tôi, chúng tôi tăng cường cuộc chiến đấu vì nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam”<sup>(9)</sup>.

Linh mục Vũ Bá Nghiễm, chính xứ Cồn Thoi một xứ đạo Công giáo toàn tòng có vị trí quan trọng, cửa ngõ ra vào vùng biển Kim Sơn với tinh thần yêu nước, kêu gọi giáo dân tham gia kháng chiến. Chính ở giáo xứ này, trong khoảng thời gian từ năm 1951 đến năm 1953 giáo dân đã đấu tranh thắng lợi không nộp tô, thuế đánh cá cho nhà Chung Phát Diệm<sup>(10)</sup>.

Thời kì từ năm 1947 đến năm 1954 cùng với vai trò của các linh mục yêu nước đã nêu trên là đóng góp của giáo dân Ninh Bình đối với cuộc kháng chiến chống thực Pháp xâm lược. Trong những lúc phong trào cách mạng gay go quyết liệt, kẻ địch tìm mọi cách tách cán bộ cách mạng ra khỏi nhân dân. Nhưng với tinh thần yêu nước, một lòng với cách

mạng, nhiều gia đình cơ sở ở vùng giáo Gia Viễn, đặc biệt là Kim Sơn đã dám chấp nhận tù đầy, tra tấn, đào hầm bí mật nuôi dưỡng cách mạng, trong đó có gia đình Công giáo như ông Phạm Văn Tịnh (Thanh Giản), chị Phương ở Cách Tâm, bà Phạm Thị Độ (Lê Lợi), bà Được, ông Trường (Thường Kiệt), v.v... Có nhân dân đùm bọc nuôi dưỡng, cán bộ về vùng địch có chỗ đứng chân, từng bước gây dựng lại phong trào<sup>(11)</sup>.

Đóng góp của người Công giáo Ninh Bình trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp là rất đa dạng: Tham gia tòng quân, gia nhập du kích chiến đấu bảo vệ thôn làng; đóng góp công lương, tiền. Giáo dân vận động chồng con, không đi vệ sĩ chết thay cho giặc. Bà con giáo dân bám làng, bám ruộng sản xuất để có nhiều lương thực nuôi quân.

Ngày 25-12-1950 nhân dịp lễ Thiên Chúa giáng sinh, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào Công giáo cả nước, giáo dân ở nhiều xứ, họ đạo, làng Công giáo tỉnh Ninh Bình tổ chức rước và đọc thư của Người. Ở tu viện Châu Sơn (Nho Quan) có tới 4.000 người dự lễ rước thư. Ở các xứ đạo trong vùng tự do, thuộc huyện Gia Viễn, Nho Quan, Yên Mô giáo dân dự lễ rước thư Hồ Chủ tịch. Trong vùng địch chiếm đóng có tới hàng chục nghìn giáo dân tham dự. Tỉnh uỷ Ninh Bình đánh giá về sự kiện này như sau: Ngày lễ Noel 25-12-1950, cuộc rước đuốc và đọc thư Hồ Chủ tịch gửi đồng bào Công giáo đã làm

9. Linh mục Trần Tam Tinh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb. Trẻ, 1998, tr. 195.

10. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I, Sđd, tr 149.

11. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn (1945-1954)*, tập I, Sđd, tr 104.

cho giáo dân hiểu rõ chủ trương của Chính phủ, làm Giáo - Lương đoàn kết, gần gũi nhau và tin tưởng vào cuộc kháng chiến<sup>(12)</sup>.

Trong phong trào người Công giáo Ninh Bình tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu. Ở đây xin được nêu hai tấm gương lớn.

Liệt sĩ Công an xung phong Trần Văn Thọ. Anh quê xã Hùng Tiến huyện Kim Sơn là người Công giáo. Năm 16 tuổi làm cấp dưỡng cho quận Công an Kim Sơn, do phẩm chất tốt, thông minh tháo vát được quận bố trí làm giao thông liên lạc. Năm 1949 anh Thọ xung phong gia nhập đội Công an xung phong. Qua một năm công tác, anh Thọ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong trận diệt tề ở thôn Yên Phúc anh Thọ bị địch bắt, tra tấn dã man nhưng vẫn giữ vững khí tiết của người Cộng sản kiên quyết không khai báo cơ sở cách mạng. Biết không thể khuất phục được, địch đã đưa anh đi xử bắn khi anh tròn 20 tuổi<sup>(13)</sup>.

Một tấm gương sáng chói là người nữ giao thông Bùi Thị Nhạn<sup>(14)</sup>. “Trong quá trình làm giao thông liên lạc cho cách mạng, chị đã nhiều lần bị giặc bắt, nhưng trước sau vẫn tỏ rõ một ý chí sắt đá, thà chịu cực hình chứ kiên quyết không cung khai cho giặc. Mỗi lần thoát khỏi trại giam trở về, chị lại tiếp tục hoạt động. Lần cuối cùng chị bị địch bắt vào giữa năm 1950. Không thể khuất phục nổi, ngày 18 tháng 10 năm 1950, giặc Pháp đưa chị ra xử bắn giữa phiên chợ Hội

Thuần (Kim Sơn) hùng uy hiếp tinh thần đồng bào ta. Trước phút bị hành hình, không chút run sợ, chị bình tĩnh cho con bú lần chót, âu yếm dặn con: “Lớn lên con nhớ trả thù cho mẹ”, rồi nhờ người làng bế hộ con về cho ông bà. Giặc bịt mắt, chị giật phất mảnh vải đen vút xuống đất, ngẩng cao đầu thét vào mặt lũ giặc cướp nước và bán nước “Tao chết vì Tổ quốc, chúng mày không bao giờ có được cái chết như tao”<sup>(15)</sup>.

\*  
\*       \*

Vượt lên trên giáo quyền, một bộ phận hàng giáo phẩm và đông đảo người Công giáo Ninh Bình đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp giành độc lập dân tộc. Một điều thú vị, ở nơi mà bọn phản động lợi dụng tôn giáo hoạt động tàn bạo với nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc lại là nơi xuất hiện những tấm gương linh mục và giáo dân tiêu biểu xả thân vì cách mạng.

Những việc làm của họ đặt nền móng vững chắc cho đường hướng người Công giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc. Và người Công giáo hoàn toàn thực hiện tốt nghĩa vụ kép: Kính Chúa - Yêu nước, sống tốt đời, đẹp đạo./.

12. *Lịch sử Công an nhân dân tỉnh Ninh Bình 1945-1954*. Ninh Bình 8-1994, tr. 99.

13. *Lịch sử Công an nhân dân tỉnh Ninh Bình 1945-1954*, Sđd, tr. 84-85.

14. Có tài liệu ghi là Ngô Thị Nhạn.

15. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Bình: *Hà Nam Ninh - Lịch sử kháng chiến chống Thực dân Pháp 1945-1954*. (Sơ thảo), 1986, tr. 205.